

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 14/8/2020  
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lữ Quốc Toàn  
2. Bà Vũ Thị Lan
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST –HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị A - Sinh năm: 1982.  
Nơi ĐKTT: ấp 2A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.  
Nơi cư trú: thôn C, xã D huyện E, tỉnh Gia Lai.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N- Sinh năm: 1980.  
Nơi cư trú: ấp 8, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.  
( *Chị A, anh N vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\*Tại đơn khởi kiện và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị A trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Văn N chung sống và đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh chị.

Sau khi kết hôn, chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, không thể hòa hợp được. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Từ đó vợ chồng không quan tâm nhau mà

bỏ mặc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 01/3/2004. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị A đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Nguyễn Văn N vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Nguyễn Văn N đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị A.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện X không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2003. Trong cuộc sống vợ chồng, chị A và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh N. Về con chung chị A yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày: 01/3/2004, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên giao cháu H cho chị A nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt

anh Nguyễn Văn N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2003 tại UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh N vì chị A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp, mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Từ khi không còn sống chung anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N để làm việc và tiến hành hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh N không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2020 thể hiện anh Nguyễn Văn N đang cư trú và sinh sống tại ấp 8, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Về tình trạng hôn nhân hiện nay chị A và anh N không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mạnh H. Hiện nay cháu Nguyễn Mạnh H đang do chị A nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Như vậy, giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày: 01/3/2004 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định tài sản chung không giải quyết, nợ chung không có, anh N vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị A.

- Chị Đỗ Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01 do UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/5/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H sinh ngày: 01/3/2004 cho chị Đỗ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Văn N được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009134 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X được chuyển thành tiền án phí. Chị Đỗ Thị A đã nộp đủ.

Chị Đỗ Thị A, anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.X;
- CCTHADS H.X;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuân**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Tuấn**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.X;
- CCTHADS H.X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Tuấn**